TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16/9/2021
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- TH3nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;
Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đăng Đán và bà Trần Thị Lịch
- Thư ký pH tòa: Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Nguyễn Thị Duyên, Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2021, tại Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2021; các Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST – HNGĐ ngày 26/7/2021; số 11c/2021/QĐST – HNGĐ ngày 20/8/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1983; Có mặt
- Bị đơn: Anh Vũ Cao H1, sinh năm 1982; Vắng mặt
Cùng đăng ký HKTT: Thôn I, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đào Thị H trình bày:

Chị và anh Vũ Cao H1 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương năm 2003. Từ đó đến nay, anh chị chưa đăng ký kết hôn tại đâu. Trước khi chung sống với nhau, anh chị có được tìm hiểu nhau một thời gian. Sau khi cưới, anh chị sống với nhau tại nH3 bố mẹ chồng chị ở thôn I, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Lúc đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng năm 2017. Nguyên nhân do anh H1 cờ bạc, nợ nần, chị nhắc nhở nhiều nH2 anh H1 không sửa đổi dẫn đến vợ chồng xô xát. Anh chị sống ly thân từ tháng 5/2020 âm lịch đến nay. Khi ly thân chị về nH3 bố mẹ đẻ ở xã S sinh sống. Anh H1 đi làm ăn ở tH3nh phố Vinh, Nghệ An. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị xin ly hôn.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Cao H2, sinh ngày 05/6/2003; Vũ Thị Ngọc H3, sinh ngày 10/7/2008. Hiện hai cháu đang ở với anh H1. Trong quá trình giải quyết vụ án chị xin nuôi cháu Ngọc H3. Tại

buổi hòa giải chị đồng ý để anh H1 nuôi cả hai cháu. Cấp dưỡng nuôi con chị không phải đóng góp. Chị có quyền đi lại thăm con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Anh Vũ Cao H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tố tụng đã có lời trình bày: Anh và chị Đào Thị H được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương năm 2003**,** anh chị chung sống với nhau từ đó đến nay. Ngày 25/9/2003 anh chị có lên UBND xã S làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng không được nhận giấy chứng nhận kết hôn ngày hôm đó. Trước khi cưới anh chị có được tìm hiểu nhau một thời gian. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh ở thôn I, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Lúc đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng tháng 10/2020 vì anh ham mê bóng đá và lô đề vỡ nợ 100 triệu đồng. Vợ chồng bất đồng quan điểm và sống ly thân từ tháng 12/2020 âm lịch, trước tết mấy ngày. Ly thân, chị H ở đâu anh không biết. Anh đi làm ăn ở thành phố Vinh, Nghệ An. Chị H xin ly hôn anh không đồng ý mà xin đoàn tụ vì anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn có khả năng đoàn tụ. Anh đưa ra phương án đoàn tụ là vợ chồng về quê sinh sống, làm ăn để tăng tình cảm mà không đi làm ăn xa nữa. Anh chỉ đồng ý ly hôn khi chị H để lại toàn bộ tài sản chung vợ chồng cho anh và sang tên cho anh là Vũ Cao H1.

Con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Vũ Cao H2, sinh ngày 06/5/2003; Vũ Thị Ngọc H3, sinh ngày 10/7/2008. Hiện hai cháu đang ở với anh. Anh xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng. Chị H có quyền đi lại thăm con. Anh hiện đang sản xuất đậu phụ thu nhập khoảng 30 triệu đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Không công nhận chị Đào Thị H và anh Vũ Cao H1 là vợ chồng.

- Con chung: Giao con chung là Vũ Cao H2, sinh ngày 06/5/2003; Vũ Thị Ngọc H3, sinh ngày 10/7/2008 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đào Thị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Vũ Cao H1 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là quan hệ pháp luật về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn có xuất trình sổ tạm trú tại địa chỉ phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và đề nghị tòa án chuyển vụ án vào Tòa án thành phố Vinh, Nghệ An để giải quyết theo thẩm quyền. Tòa án huyện G xác minh hộ khẩu của bị đơn xác định nguyên đơn, bị đơn cùng có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh hiện đi làm ăn ở nơi khác nhưng vẫn về nhà tại địa chỉ nêu trên. Toàn bộ quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến ngày mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn đều có mặt làm việc tại tòa án huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị H và anh Vũ Cao H1 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Anh H1 trình bày có đến UBND xã S làm thủ tục nhưng không được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân huyện G yêu cầu anh cung cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng anh không cung cấp được. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn được anh H1, chị H xác định là do anh H1 lô đề, cờ bạc. Cuối năm 2020 anh chị sống ly thân đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn, anh H1 không đồng ý. Anh H1 chỉ đồng ý ly hôn khi chị H tự nguyện chuyển toàn bộ tài sản chung của vợ chồng sang tên anh Vũ Cao H1. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại nơi anh H1, chị H đăng ký hộ khẩu thường trú xác định không có trường hợp nào tên Đào Thị H và Vũ Cao H1 đăng ký kết hôn tại địa phương. Tòa án lấy lời khai của bố mẹ anh H1 xác định gia đình hai bên có tổ chức đám cưới cho anh H1 và chị H theo phong tục địa phương. Tại thời điểm tổ chức đám cưới, anh H1, chị H không đăng ký kết hôn vì chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật.

Tại khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp quy định: *"Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có*

yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng*". Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H1 là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên tòa án tuyên bố không công nhận chị Đào Thị H và anh Vũ Cao H1 là vợ chồng.

Con chung: Chị H, anh H1 xác định có 02 con chung là Vũ Cao H2, sinh ngày 05/6/2003; Vũ Thị Ngọc H3, sinh ngày 10/7/2008. Hiện các cháu khỏe mạnh và ở với anh H1. Thời điểm mở phiên họp hòa giải cháu H2 chưa đủ 18 tuổi. Hiện cháu đã 18 tuổi và đi học đại học. Chị H đồng ý để anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Đào Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đào Thị H và anh Vũ Cao H1 là vợ chồng.

Con chung: Giao con chung là Vũ Cao H2, sinh ngày 05/6/2003; Vũ Thị Ngọc H3, sinh ngày 10/7/2008 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H có quyền đi lại thăm con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết

2. Án phí: Đào Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002037 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PH TÒA

Vũ Thị Minh Nguyệt

TH3NH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA**